

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hoà Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 242/2025/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999.

Trú tại: Thôn Đ, xã V, tỉnh Đắk Lắk, xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Giáp Văn C, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Hiện nay đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 08/02/2022.

Sau khi về chung sống với nhau theo bà A, vợ chồng ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông C không quan tâm đến gia đình. Hiện nay, ông C đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Đắk Lắk, vợ chồng ông bà đã sống ly thân, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã

quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà A làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông C và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017. Nguyện vọng của bà A sau khi ly hôn là được nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hiện nay, bà A đang làm công nhân, lương bình quân mỗi tháng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng nên bà A đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Giáp Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 08/02/2022. Quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay, ông C vẫn còn tình cảm với bà A nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017. Do ông C không đồng ý ly hôn, nên ông không đồng ý giao con chung cho bà A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Giáp Văn C.

Về con chung: Giao cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà A khởi kiện xin ly hôn với ông C có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đắk Lắk; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vụ án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã E. Quá trình tham gia tố tụng bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi vợ chồng ông C và bà A kết hôn thì bà A chuyển đến sinh sống cùng ông C tại thôn 11, xã E. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nguyên nhân là do ông C nghiện ma túy. Hiện nay, bà A đã đưa con về xã V sinh sống không còn chung sống cùng ông C tại địa phương.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà A và ông C đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện và cho bà A được ly hôn với ông C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà A và ông C có 01 con chung là cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017. Hiện tại, cháu L đang ở với bà A, nguyện vọng của bà A là được nuôi dưỡng cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, nguyện vọng của bà A là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017 cho bà A nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Giáp Văn C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Giáp Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Giáp Văn C.

Về con chung: Giao cháu Giáp Văn Hoàng L, sinh ngày 21/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông Giáp Văn C được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Giáp Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003283 ngày 05/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 4).

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Huyền Trang